TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 79/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2024
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Thành Thông

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***:** Bà Trần Thị Ấm- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Đào Thị Mỹ L, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số B ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn C, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số B ấp N, xã N, thành phố B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 2000 bà và ông Trần Văn C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2000. Trong thời gian sống chung bà và ông Trần Văn C có 01 con chung tên Trần Thị Bích H, sinh ngày

10/4/1995 hiện con chung đã trưởng thành. Bà và ông C không có tạo lập được tài chung, về nợ chung thì không có.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; tháng 10/2023 bà có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, Tòa án đã tiến hành hòa giải nên bà và ông C đã hàn gắn tình cảm nên bà rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã đình chỉ vụ án số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2023. Tuy nhiên sau khi về sống chung vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm hiện nay bà và ông C không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung:* con chung tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 10/4/1995 hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Trần Văn C vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 115 Luật hôn nhân và gia đình**;** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị Mỹ L.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Mỹ L. Bà Đào Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 10/4/1995 hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Văn C hiện đang sinh sống tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Đào Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Văn C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng V vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đào Thị Mỹ L và ông Trần Văn C.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Đào Thị Mỹ L và ông Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2000. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Đào Thị Mỹ L và ông Trần Văn C được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Đào Thị Mỹ L xin ly hôn với ông Trần Văn C là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, X thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân đã phát sinh từ tháng 10/2023 nên bà L có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre sau đó bà và ông C đã hàn gắn tình cảm nên bà rút đơn xin ly hôn và Tòa án đã đình chỉ vụ án số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2023; Ông C sinh sống ở địa phương biết rõ việc bà L xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà L và ông C hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng bà L có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà L và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị Mỹ L là phù hợp. Do bà Đào Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 10/4/1995 hiện con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Đào Thị Mỹ L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đào Thị Mỹ L. Bà Đào Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Văn C.

Do bà Đào Thị Mỹ L và ông Trần Văn C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 10/4/1995 hiện con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

3.Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Đào Thị Mỹ L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002651 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê